c. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5%: đến 27/3/2015

	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ %
Đặng Phước Thành	12.548.240	22,19%
Đặng Thành Duy	4.507.750	7,97%
Vietnam Investment Fund (VIF)	5.346.527	9,45%
Tổng Công ty Thương Mại SàiGòn (SATRA)	4.475.250	7,91%
Goverment of Singapore	4.500.000	7,96%
Tael Two Parners Ltd	10.347.259	18,30%
Tổng cộng	**41.725.026**	**73,78 %**

TP HCM, Ngày 12 tháng 04 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

ĐẶNG THỊ LAN PHƯƠNG

Đính kèm: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2014 (E&Y Việt Nam)

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61059820/16997933-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Mai Việt Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0048-2013-004-1

Tô Phượng Vũ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2267-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**401.898.899.423**	**406.857.514.505**
110	***I. Tiền***	***4***	***288.084.077.587***	***208.554.172.466***
111	1. Tiền		288.084.077.587	208.554.172.466
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***73.187.588.016***	***162.963.097.759***
131	1. Phải thu khách hàng	5	64.165.839.254	53.484.606.018
132	2. Trả trước cho người bán		1.936.586.450	98.204.215.147
135	3. Các khoản phải thu khác	6	8.076.854.172	12.150.163.625
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(991.691.860)	(875.887.031)
140	***III. Hàng tồn kho***	***7***	***5.434.437.875***	***5.166.247.563***
141	1. Hàng tồn kho		5.434.437.875	5.166.247.563
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***35.192.795.945***	***30.173.996.717***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	24.322.135.691	19.430.949.802
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	360.955.216
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		64.725.351	71.272.181
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	10.805.934.903	10.310.819.518
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.033.622.079.089**	**1.609.580.553.776**
220	***I. Tài sản cố định***		***1.962.981.433.534***	***1.588.564.555.218***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.792.669.761.032	1.497.886.037.839
222	Nguyên giá		3.114.723.448.350	2.608.207.152.631
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.322.053.687.318)	(1.110.321.114.792)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	170.218.283.581	90.178.019.836
225	Nguyên giá		222.760.543.383	115.295.165.613
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.542.259.802)	(25.117.145.777)
227	3. Tài sản vô hình	12	93.388.921	399.266.243
228	Nguyên giá		1.218.289.000	1.168.289.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.124.900.079)	(769.022.757)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	101.231.300
240	***II. Bất động sản đầu tư***	***13***	***8.490.900.000***	***11.569.834.250***
241	1. Nguyên giá		8.490.900.000	11.569.834.250
250	***III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***		-	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		-	1.500.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.500.000.000)
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***62.149.745.555***	***9.446.164.308***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	60.531.845.555	8.531.164.308
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.100.000.000	440.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		517.900.000	475.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.435.520.978.512**	**2.016.438.068.281**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.133.242.092.848**	**858.197.948.769**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***533.347.544.453***	***463.038.173.771***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		287.587.983.547	224.730.302.577
	Trong đó:			
	- Nợ dài hạn đến hạn phải trả	*19*	*287.587.983.547*	*224.730.302.577*
312	2. Phải trả người bán		19.907.793.316	21.856.034.006
313	3. Người mua trả tiền trước	15	5.616.859.403	6.478.796.518
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	50.624.564.000	43.947.511.970
315	5. Phải trả người lao động		52.019.887.473	36.720.909.950
316	6. Chi phí phải trả		14.497.561	2.054.821.963
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	78.032.413.495	102.466.525.447
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		39.543.545.658	24.783.271.340
330	***II. Nợ dài hạn***		***599.894.548.395***	***395.159.774.998***
333	1. Phải trả dài hạn khác	18	150.241.456.869	124.332.332.176
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	448.914.696.755	270.266.307.361
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		738.394.771	561.135.461
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.296.535.565.980**	**1.153.446.987.822**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***20.1***	***1.296.535.565.980***	***1.153.446.987.822***
411	1. Vốn cổ phần		565.495.160.000	434.998.180.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		200.026.023.110	330.523.003.110
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		116.333.042.969	85.888.844.655
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		59.966.521.484	44.744.422.327
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		354.714.818.417	257.292.537.730
439	**C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**5.743.319.684**	**4.793.131.690**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.435.520.978.512**	**2.016.438.068.281**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (US$)	17.966	5.229

Võ Thị Minh Thư	Đặng Hoàng Sang	Đặng Thị Lan Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21.1**	**3.770.229.256.389**	**3.158.061.820.850**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**22, 25**	**(3.141.541.191.052)**	**(2.621.813.502.306)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**628.688.065.337**	**536.248.318.544**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**21.2**	**7.700.361.176**	**869.718.489**
22	**5. Chi phí tài chính**	**23**	**(64.527.218.877)**	**(65.599.886.913)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*	*23*	*(64.526.293.336)*	*(65.959.185.078)*
24	**6. Chi phí bán hàng**	**25**	**(150.732.428.993)**	**(129.035.787.568)**
25	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**25**	**(103.039.851.475)**	**(85.884.268.203)**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**318.088.927.168**	**256.598.094.349**
31	**9. Thu nhập khác**	**24**	**116.422.459.526**	**59.695.534.022**
32	**10. Chi phí khác**	**24**	**(25.998.348.136)**	**(14.247.056.840)**
40	**11. Lợi nhuận khác**	**24**	**90.424.111.390**	**45.448.477.182**
50	**12. Tổng lợi nhuận trước thuế**		**408.513.038.558**	**302.046.571.531**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**26.2**	**(95.229.175.481)**	**(78.030.939.679)**
52	**14. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại**	**26.3**	**660.000.000**	**440.000.000**
60	**15. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**313.943.863.077**	**224.455.631.852**
	Trong đó:			
61	*- Lợi ích của các cổ đông thiểu số*		*950.187.994*	*712.283.141*
62	*- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ*		*312.993.675.083*	*223.743.348.711*
70	**16. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu**	**20.4**	**5.512**	**4.139**

Võ Thị Minh Thư	Đặng Hoàng Sang	Đặng Thị Lan Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**408.513.038.558**	**302.046.571.531**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10, 11, 12	390.176.594.717	319.472.121.363
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(1.384.195.171)	(136.741.412)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(94.766.786.922)	(44.103.712.506)
06	Chi phí lãi vay	23	64.526.293.336	65.959.185.078
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**767.064.944.518**	**643.237.424.054**
09	Giảm các khoản phải thu		89.673.565.817	9.755.593.872
10	Tăng hàng tồn kho		(268.190.312)	(875.190.610)
11	Tăng các khoản phải trả		18.414.605.860	13.992.323.450
12	Tăng chi phí trả trước		(56.891.867.136)	(860.545.450)
13	Tiền lãi vay đã trả		(64.074.185.647)	(64.324.144.044)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(88.215.880.686)	(76.116.878.038)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		22.909.124.693	16.793.942.936
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.230.164.849)	(29.080.171.072)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**646.381.952.258**	**512.522.355.098**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(786.668.208.631)	(395.517.996.477)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	24	112.318.181.852	56.874.090.893
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	900.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được	21.2	7.696.674.278	869.204.631
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(665.153.352.501)**	**(336.874.700.953)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	135.000.000.000
33	Tiền vay nhận được		542.146.700.000	323.959.307.841
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(259.191.236.893)	(406.037.832.240)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(41.449.392.743)	(18.340.950.655)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ	20.2	(143.204.765.000)	(29.971.587.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**98.301.305.364**	**4.608.937.946**

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Tăng tiền thuần trong năm**		**79.529.905.121**	**180.256.592.091**
60	**Tiền đầu năm**		**208.554.172.466**	**28.297.580.375**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**288.084.077.587**	**208.554.172.466**

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Võ Thi Minh Thu	Đặng Hoàng Sang	Đặng Thị Lan Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

Toà nhà VINASUN TOWER
648 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 277 178 - Fax: (09) 39 526 410
Email: contact@vinasuncorp.com

vinsuncorp.com - vinasuntaxi.com - vinasuntravel.com